

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đàm Chí Thân**

2. Bà **Đỗ Thị Kim Chinh**

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện- Chức vụ: Kiểm sát viên.

-Ngày 23/6/2021 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 19/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2021 giữa:

*- Nguyên đơn: Bà **Tô Thị A**, sinh năm 19H - (Có mặt).*

Địa chỉ: Số nhà H, Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

*- Bi đơn: Ông **Nguyễn Hữu B**, sinh năm 1963 -(Vắng mặt không có lý do).*

Địa chỉ: Số nhà H, Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Tô Thị A trình bày: Bà Tô Thị A và ông Nguyễn Hữu B tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, hai người có đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn G, huyện E, tỉnh Quảng Ninh vào năm 1984. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 1987 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, bản thân ông B có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài, hiện tại hai người đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì thế, bà A

thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

- **Về con chung:** Bà A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 (Ba) con chung đều đã trưởng thành gồm: Nguyễn Thị I, sinh năm 1986, Nguyễn Thị K, sinh năm 1988, Nguyễn Hữu M, sinh năm 1989. Vì các con chung đều đã trưởng thành nên bà không đề cập giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà A xác nhận bà và ông B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Bà A xác nhận trong quá trình chung sống bà và ông B không có nợ chung.

* **Bị đơn ông Nguyễn Hữu B trình bày:** Ông B thừa nhận toàn bộ quá trình tìm hiểu và kết hôn như bà A trình bày là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân là do bà A hiểu lầm ghen tuông vô cớ. Xong vì tính chất công việc ông B thường phải đi ra ngoài, đôi lúc có giao lưu khách hàng, bạn bè nên nhiều lúc về muộn. Nay bà A có đơn ly hôn ông, ông không đồng ý, vì ông còn thương yêu vợ con và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng gia đình, con cháu.

-**Về con chung:** Ông B xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 (Ba) con chung đều đã trưởng thành gồm Nguyễn Thị I, sinh năm 1986, Nguyễn Thị K, sinh năm 1988, Nguyễn Hữu M, sinh năm 1989. Vì các con chung đều đã trưởng thành nên ông không đề cập giải quyết.

-**Về tài sản chung, công nợ chung:** Quan điểm của ông B ông không muốn ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Tô Thị A. Xử cho bà Tô Thị A được ly hôn ông Nguyễn Hữu B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố Tụng: Ngày 29/12/2020, người khởi kiện là bà Tô Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 15/12/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là **“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”** thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28; Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Bà Tô Thị A và ông Nguyễn Hữu B tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1984 hai người có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện E, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai người sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Trầm trọng nhất bà A cho rằng ông B có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình vợ con, mặc dù bà A nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng, kéo dài. Hiện tại hai người đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa mặc dù mâu thuẫn gia đình đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, bà A thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu B cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hai người đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Tuy nhiên bản thân ông B thừa nhận vì lý do công việc nên ông thường xuyên phải giao lưu cùng khách hàng, bạn bè và đôi khi về nhà muộn. Nhưng ông không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng bản thân vẫn còn thương yêu vợ con và mong muốn bà A nghĩ lại rút đơn quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Tuy nhiên bản thân ông B muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông không hợp tác đến Tòa để hòa giải, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

-Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2021 ông Nguyễn Hữu O- Trưởng Khu D, phường E, thị xã C cung cấp: Ông Nguyễn Hữu B và bà Tô Thị A là công dân sống tại Khu D, phường E, thị xã C. Hai người kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện E, tỉnh Quảng Ninh vào năm 1984. Quá trình chung sống tại địa phương hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương khuyên can nhưng không có kết quả. Nay bà A có đơn xin ly hôn ông B đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định.

-Qua các tài liệu chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Tô Thị A và ông Nguyễn Hữu B đã quá trầm trọng, căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả

năng hàn gắn. Do đó, xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của bà Tô Thị A là hoàn toàn chính đáng phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56- Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tô Thị A.

[3] **Về con chung:** Trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về tài sản chung và công nợ chung:** Trong quá trình giải quyết các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] **Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm nguyên đơn bà Tô Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Vi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Tô Thị A.

Xử: Bà Tô Thị A được ly hôn ông Nguyễn Hữu B.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001680 ngày 06/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Bà A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- T.H.A DS thị xã C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn G, H. E;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Chí Thân - Đỗ Thị Kim Chinh

Nguyễn Chí Mạnh

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- T.H.A DS thị xã C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn G, H. E;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh

